

Số: 29/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Lê Thị Thu

*Thư ký phiên họp:* Ông Thái Vương Triều- Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên họp:* Ông Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 128/2025/TLST-LĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 21/2025/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Võ Doãn P, sinh năm 1990; trú tại: Số nhà B, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: L, khu S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. Ông Võ Doãn T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Đường T, khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; chức vụ: Nhân viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Võ Doãn P trình bày: Khoảng tháng 6 năm 2025, Ông Võ Doãn P đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của ông P bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào khoảng tháng 02 năm 2010 ông P có cho em ruột là ông Võ Doãn T mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ, quá trình làm việc ông T được Công ty Cổ phần Đ tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7410041606. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho ông T mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho ông T có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Võ Doãn P và Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu. Ông Võ Doãn P không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Doãn T trình bày: Ông và ông P có mối quan hệ là anh em ruột. Khoảng tháng 2 năm 2010, ông không có chứng minh nhân dân nên đã mượn chứng minh nhân dân của ông P để xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần Đ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7410041606. Nay ông T thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông P và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Võ Doãn P với Công ty Cổ phần Đ vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ thì ông chưa nhận trợ cấp bảo hiểm gì, Ông cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông P, ông T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Công ty Cổ phần Đ trình bày: Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 và Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đ đều vắng mặt không rõ lý do.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Võ Doãn P, sinh năm 1990, số CCCD 044090002150, với mã số BHXH 7410041606 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 tại Công ty Cổ phần Đ đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, BHXH cơ sở D còn phát hiện ông Võ Doãn P còn có mã số 7410111140 tham gia từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 10 năm 2011 tại Công ty TNHH A.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của Ông Võ Doãn P là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu Ông Võ Doãn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Võ Doãn T và người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty Cổ phần Đ vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012, người lao động tên Võ Doãn P giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ và được Công ty Cổ phần Đ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410041606. Tuy nhiên, ông P và ông T đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 là ông Võ Doãn T (do ông P cho ông T mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông P, ông T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 10 năm 2011, ông P đang làm việc tại Công ty TNHH A và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7410111140. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 là ông Võ Doãn T, không phải là ông Võ Doãn P .

Theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc ông T mượn hồ sơ cá nhân của ông P để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410041606 từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 tại Công ty Cổ phần Đ là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Võ Doãn P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Võ Doãn P với Công ty Cổ phần Đ theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410041606 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông P và ý kiến của ông về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần Đ trong giai đoạn từ tháng 02 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 là ông Võ Doãn T, không phải là ông Võ Doãn P. Ông P và ông T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410041606.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Võ Doãn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Võ Doãn P.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Võ Doãn P với Công ty Cổ phần Đ (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410041606) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410041606 không phải là ông Võ Doãn P, sinh năm 1990, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 044090002150. Ông Võ Doãn P và ông Võ Doãn T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410041606.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Võ Doãn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003305 ngày 14/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày

quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lê Thị Thu**